

Bản án số: 04/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 26/4/2019.

V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH HOÁ, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Giang

Các Hội thẩm nhân dân: 1) Bà Nguyễn Thị Tâm;

2) Ông Trần Văn Thuận.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Phụng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Ông Bùi Đức Nghĩa – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2019, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2019/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2019 về: “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lương Thị Thu H, sinh năm: 1996.

Địa chỉ: Thôn TC 1, xã TL, huyện HY, tỉnh Tuyên Quang.

Bị đơn: Anh Ma Thế Q, sinh năm: 1989.

Địa chỉ: Xóm NM, xã TĐ, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 12/10/2018, đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung ngày 14/12/2018 bản tự khai và biên bản lấy lời khai, nguyên đơn – chị Lương Thị Thu H trình bày:

Chị Lương Thị Thu H và anh Ma Thế Q kết hôn ngày 25/4/2016, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TL, huyện HY, tỉnh Tuyên Quang, trước khi kết hôn, chị và anh Q có tìm hiểu khoảng một năm, trên cơ sở tự nguyện được hai gia đình đồng ý và có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Được khoảng 2 tháng sau thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, xảy ra cãi vã. Anh Q trở về nhà bố mẹ đẻ của anh tại xóm NM, xã TĐ, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên sinh sống và đi làm

thuê, không liên lạc, không gửi tiền về nuôi con. Những khi chị gọi điện cho anh thì vợ chồng chỉ cãi vã, chửi bới, xúc phạm nhau qua điện thoại. Anh Q không tôn trọng chị, không quan tâm đến cuộc sống của vợ và con. Chị và anh Q sống ly thân từ tháng 6/2016 đến nay. Nay chị không còn tình cảm yêu thương anh Q, chị kiên quyết xin được ly hôn.

Về con chung: Chị H và anh Q có 01 con chung là Ma Thị Bích Qu, sinh ngày 24/7/2016, hiện nay cháu Qu do chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Khi ly hôn, chị H đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Ma Thị Bích Qu, yêu cầu anh Q đóng góp tiền nuôi con mỗi tháng là 1.000.000^d.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị H chị và anh Q không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại bản tự khai anh Ma Thê Q trình bày: Anh và chị Lương Thị Thu H kết hôn với nhau ngày 25/4/2016, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TL, huyện HY, tỉnh Tuyên Quang, hai vợ chồng đều trải qua thời gian tìm hiểu quen biết trước khi kết hôn, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị chung sống với nhau tại thôn TC 1, xã TL, huyện HY, tỉnh Tuyên Quang. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, được hai tháng sau thì anh trở về xóm NM, xã TĐ, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên sinh sống. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Q không quan tâm, chăm sóc cho vợ con nên vợ chồng xảy ra cãi vã. Từ tháng 6/2016, anh đi làm thuê nhưng không quan tâm tới chị H và con, không liên lạc thường xuyên với chị H. Nay anh không còn tình cảm vợ chồng với chị H, chị và anh sống ly thân đã lâu, anh đồng ý ly hôn với chị H.

Về con chung, anh Q xác định anh và chị H có 01 con chung là Ma Thị Bích Qu, sinh ngày 24/7/2016. Khi ly hôn, anh đồng ý để cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Ma Thị Bích Qu.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh và chị H không có tài sản chung.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhiều lần triệu tập anh Q, cũng như tiến hành mở phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh Q vắng mặt không có lý do. Tòa án đã phải niêm yết công khai các thủ tục tố tụng để bảo đảm quyền tham gia tố tụng đối với anh Q không bị xâm phạm. Do anh Q vắng mặt không có lý do, Tòa án không tiến hành hòa giải được. Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử. Trước ngày xét xử anh Q đã gửi đến Tòa án đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa chị H cương quyết xin được ly hôn với anh Q, yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung.

Trước khi nghị án, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ, đúng trình tự tố tụng, việc cấp, giao, tổng đạt văn bản tố tụng, việc thu thập tài liệu chứng cứ, đảm bảo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo quyền và nghĩa vụ của các bên đương sự.

Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự; Đối với bị đơn: Chấp hành không đầy đủ quy định của pháp luật theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Cho chị Lương Thị Thu H được ly hôn anh Ma Thế Q.

Về con chung: Giao con chung là Ma Thị Bích Qu, sinh ngày 24/7/2016 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Q do chị H tự nguyện không yêu cầu.

Về tài sản chung: Chị H và anh Q không có. Không đề nghị xem xét giải quyết.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc chị Lương Thị Thu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Về quyền kháng cáo bản án: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên quyền kháng cáo bản án đúng quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

Đây là vụ án về Hôn nhân và gia đình có bị đơn – anh Ma Thế Q cư trú tại xã TĐ, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Vì vậy thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ bằng biện pháp lấy lời khai của đương sự, xác minh về nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của anh Q, tiến hành niêm yết tại nơi ở của anh Q nên tại phiên tòa ngày hôm nay có sự tham gia của Viện kiểm sát nhân dân theo khoản 2 Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự là đúng quy định của pháp luật.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lương Thị Thu H và anh Ma Thế Q kết hôn ngày 25/4/2016, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TL, huyện HY, tỉnh Tuyên Q. Trước khi kết hôn chị H và anh Q có được tìm hiểu nhau, được sự đồng ý của hai bên gia đình, tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Như vậy, có thể thấy quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh Q là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn được thời gian ngắn (2 tháng), anh Q đã bỏ đi, không chung sống cùng với chị H nữa. Từ tháng 6/2016 đến nay anh Q và chị H sống ly thân, anh Q không quan tâm gì tới chị H và con chung. Anh cũng không còn tình cảm gì với chị H, nay chị H xin ly hôn anh đồng ý.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra, tiếp cận và công khai chứng cứ. Anh Q vắng mặt không có lý do, tại phiên họp chị Thương không bổ sung thêm tài liệu chứng cứ gì, giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Tòa án

không tiến hành hòa giải được. Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn (Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt) theo quy định tại khoản 1 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét thấy: Chị H và anh Q đã ly thân từ tháng 2 năm 2016 đến nay, cả chị H và anh Q không còn yêu thương nhau và không còn quan tâm tới nhau nữa. Như vậy cho thấy Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh Q đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Yêu cầu xin được ly hôn của chị H là phù hợp, đúng thực tế. Do vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Chị H và anh Q có 01 con chung là Ma Thị Bích Qu, sinh ngày 24/7/2106. Hiện chị H đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Khi ly hôn, chị H đề nghị được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi, anh Q nhất trí. Bên cạnh đó, con chung của chị H và anh Q chưa đủ 36 tháng tuổi, rất cần sự chăm sóc của chị H. Do vậy, cần giao con chung Ma Thị Bích Qu, sinh ngày 24/7/2016 cho chị Lương Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là đúng pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tại phiên tòa, chị H không yêu cầu anh Q phải đóng góp tiền nuôi con chung. Do vậy, cần tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh Tiền cho đến khi có yêu cầu.

Anh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị H và anh Q không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử xem xét.

Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp, đúng quy định của pháp luật nên cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 28. Các Điều: 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của chị Lương Thị Thu H.

1. Về hôn nhân: Chị Lương Thị Thu H được ly hôn anh Ma Thế Q.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung là Ma Thị Bích Qu, sinh ngày 24/7/2016 cho chị Lương Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi khác.

2.2. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Q (do chị H không yêu cầu).

Anh Q có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung: Không có, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lương Thị Thu H phải chịu 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0008817 ngày 08 tháng 01 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

5. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, có mặt chị H. Báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Vắng mặt anh Q tại phiên tòa. Báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện Đ(02 bản);
- THADS huyện Định Hóa;
- UBND xã TL;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Văn Giang